

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà V Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dón - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 264/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 408/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Bá Q, nơi cư trú: Thôn ĐQ, xã HĐ, Hện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị P; nơi ĐKKHKT: Thôn ĐQ, xã HĐ, Hện TN, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: **Hàn Quốc**. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Phạm Bá Q trình bày:

Anh kết hôn với chị Phạm Thị P trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa P và có đăng ký kết hôn tại UBND xã

HD, Hện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 4 năm 1994. Quá trình chung sống của vợ chồng H phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chung sống, anh và chị P có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Sự bất đồng quan điểm ngày càng trở lên nghiêm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Đến năm 2017, chị P đi lao động, làm ăn ở Hàn Quốc, lúc đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng sau đó anh và chị P không còn liên lạc với nhau nữa. Chị P vẫn liên lạc với người thân trong gia đình chị là ông Phạm Năng V, sinh năm 1942, địa chỉ: Thôn Đền, xã Lâm Động, Hện TN, thành phố Hải Phòng (là bố đẻ của chị P). Anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau đã 3 năm. Nay, anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị P để anh nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là: Phạm Ngọc H, sinh ngày 28/01/1985 và Phạm Ngọc H, sinh ngày 07/11/2003. Cháu H đã trưởng thành và không phải nuôi dưỡng. Hiện tại cháu H đang ở với anh Q, ly hôn anh Q đề nghị được nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc H, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh xin tự giải quyết với chị P.

Về tài sản chung: Anh Q xin tự giải quyết với chị P về tài sản chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Bá Q đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với chị Phạm Thị P:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bố chị P là ông Phạm Năng V. Tòa án đã 2 lần thông báo cho ông Phạm Năng V cung cấp địa chỉ của chị P ở Hàn Quốc và yêu cầu ông V cho biết kết quả về việc ông đã thông báo cho chị P để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tuy nhiên, ông Phạm Năng V vẫn không thực hiện yêu cầu trên của Tòa án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Năng V thể hiện: Chị P vẫn liên lạc với ông nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể chị P ở Hàn Quốc. Ông V cũng chưa thông báo cho chị P về yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên chị P biết việc anh Q xin ly hôn và chị đồng ý nhưng chị không gửi lời khai hay bất cứ tài liệu nào khác về cho Tòa án. Ông Phạm Năng V đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Q về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên

tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn chị Phạm Thị P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Phạm Bá Q và chị Phạm Thị P xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, Hện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q. Về con chung: Con chung Phạm Ngọc H, sinh ngày 28/01/1985 đã trưởng thành, không cần nuôi dưỡng nên không cần giải quyền; giao con chung là Phạm Ngọc H, sinh ngày 07/11/2003 cho anh Q nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Q xin tự giải quyết với chị P nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh Q xin tự giải quyết với chị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn chị Phạm Thị P hiện đang sinh sống Hàn Quốc, nguyên đơn anh Phạm Bá Q sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phạm Bá Q và chị Phạm Thị P đều vắng mặt, anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Phạm Thị P: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Phạm Thị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Phạm Bá Q và chị Phạm Thị P xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, Hện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2010 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng H phức tạp được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chung sống, anh Q và chị P đã không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, kể từ năm 2017 khi chị P đi lao động ở Hàn Quốc. Chính vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên xa cách. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Q và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Q.

[4] Về con chung: Anh Phạm Bá Q và chị Phạm Thị P có hai con chung là: Phạm Ngọc H, sinh ngày 28/01/1985 và Phạm Ngọc H, sinh ngày 07/11/2003. Cháu H đã trưởng thành và không phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hiện tại cháu H đang ở với anh Q. Ly hôn, anh Q đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Phạm Ngọc H, việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q xin tự giải quyết với chị P. Xét thấy, hiện nay con chung đang ở với anh Q, chị P đang ở nước ngoài, nguyện vọng của con chung và của gia đình chị P đồng ý để anh Q nuôi con chung. Do đó, cần giao con chung cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Anh Phạm Bá Q không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Bá Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Bá Q và chị Phạm Thị P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Bá Q được ly hôn chị Phạm Thị P.
2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc H, sinh ngày 07/11/2003 cho anh Phạm Bá Q nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Bá Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Bá Q không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Phạm Thị P nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Bá Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0008291 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Bá Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Bá Q (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Phạm Thị P (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã HD, Hện TN, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương

